

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **397/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 24/10/2018.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan - Nguyên phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1468/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 679/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Tất Tuấn H, sinh năm 1966

HKTT: B7, tổ 39B, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 71, tổ 1, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: B7, tổ 39B, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2018, bản tự khai, trong quá trình làm việc, nguyên đơn ông Phan Tất Tuấn H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị N tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành

phố B. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn với nhau nhưng vẫn không cải thiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông xin ly hôn với bà N để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị Kim N, sinh ngày 03/7/1991 và cháu Phan Tuấn Đ, sinh ngày 29/11/1998. Ly hôn, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai, bị đơn bà Trần Thị N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến 2016 thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H ngoại tình, lừa dối bà. Nay ông H xin ly hôn thì bà không đồng ý vì ông H không trình bày đúng sự thật.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị Kim N, sinh ngày 03/7/1991 và cháu Phan Tuấn Đ, sinh ngày 29/11/1998. Ly hôn, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của ông H, bà N không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông H yêu cầu ly hôn với bà N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị Kim N, sinh ngày 03/7/1991 và cháu Phan Tuấn Đ, sinh ngày 29/11/1998. Ly hôn, các con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Ông H xin ly hôn với bà N có địa chỉ cư trú tại: B7, tổ 39B, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà N theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H, bà N kết hôn với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 250 ngày 10/4/1990 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Ông H trình bày: Sau khi xây dựng gia đình với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn với nhau nhưng vẫn không cải thiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông xin ly hôn với bà N để trả tự do cho nhau. Bà N cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do ông H ngoại tình và lừa dối bà, tuy nhiên bà không đồng ý vì ông H không trình bày đúng sự thật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N đến để Tòa án tiến hành hòa giải nhưng bà N vẫn vắng mặt thể hiện việc bà N không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với ông H. Qua kết quả xác minh tại địa phương ngày 10/8/2018 thì địa phương cho biết vợ chồng ông H, bà N đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không biết.

Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà N là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, giải quyết cho ông H được ly hôn với bà N để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị Kim N, sinh ngày 03/7/1991 và cháu Phan Tuấn Đ, sinh ngày 29/11/1998. Ly hôn, các con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của ông Phan Tất Tuấn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Tất Tuấn H được ly hôn với bà Trần Thị N.
2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phan Tất Tuấn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 007609 ngày 05/6/2018.
5. Ông Phan Tất Tuấn H và bà Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ;
- UBND P. A, TP B,
- Tỉnh Đồng Nai;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa
- Lưu VP

Trần Thị Mỹ Hạnh